

**Phụ lục**  
**CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 446 /QĐ-SVHTTDL ngày 28 /8/2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**Đơn vị tính: Triệu đồng**

| Số TT      | Nội dung                                                                                                                                                                             | Dự toán được giao | Ghi chú                                                                                                   |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>   | <b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                                                                                                                                                | <b>25.527</b>     |                                                                                                           |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</b>                                                                                                                                               | <b>19.893</b>     |                                                                                                           |
| <b>1</b>   | <b>Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>                                              | <b>1.504</b>      | Quyết định số 20/QĐ-SVHTTDL ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi |
| -          | Văn phòng Sở VHTTDL                                                                                                                                                                  | 1.320             |                                                                                                           |
| -          | Thư viện Tổng hợp tỉnh                                                                                                                                                               | 184               |                                                                                                           |
| <b>2</b>   | <b>Kinh phí thực hiện Chương trình nghệ thuật đêm giao thừa; các hoạt động Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026</b>                                                                          | <b>5.900</b>      | Quyết định số 76/QĐ-SVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi |
| -          | Văn phòng Sở VHTTDL                                                                                                                                                                  | 5.900             |                                                                                                           |
| <b>3</b>   | <b>Kinh phí tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 120 năm Ngày sinh đồng chí Phạm Văn Đồng (01/3/1906-01/3/2026)</b>                                                                         | <b>4.939</b>      | Quyết định số 211/QĐ-SVHTTDL ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi |
| -          | Văn phòng Sở VHTTDL                                                                                                                                                                  | 3.218             |                                                                                                           |
| -          | Trung tâm Văn hoá nghệ thuật tỉnh                                                                                                                                                    | 519               |                                                                                                           |
| -          | Bảo tàng Tổng hợp tỉnh                                                                                                                                                               | 1.082             |                                                                                                           |
| -          | Thư viện Tổng hợp tỉnh                                                                                                                                                               | 120               |                                                                                                           |
| <b>4</b>   | <b>Kinh phí tổ chức các hoạt động, sự kiện Lễ hội Du lịch Quảng Ngãi năm 2026</b>                                                                                                    | <b>7.400</b>      | Quyết định số 297/QĐ-SVHTTDL ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi |
| -          | Văn phòng Sở VHTTDL                                                                                                                                                                  | 6.700             |                                                                                                           |
| -          | Bảo tàng Tổng hợp tỉnh                                                                                                                                                               | 700               |                                                                                                           |
| <b>5</b>   | <b>Kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2026/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của HĐND tỉnh quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b> | <b>150</b>        | Quyết định số 298/QĐ-SVHTTDL ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi |
| -          | Văn phòng Sở VHTTDL                                                                                                                                                                  | 150               | Kinh phí tặng quà cho nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú                |
| <b>II</b>  | <b>Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                                                                                                                    | <b>5.352</b>      |                                                                                                           |
| <b>1</b>   | <b>Chuyển đổi số</b>                                                                                                                                                                 | <b>5.352</b>      | Quyết định số 220/QĐ-SVHTTDL ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi |
| -          | Văn phòng Sở VHTTDL                                                                                                                                                                  | 252               |                                                                                                           |
| +          | Vận hành phần mềm quản lý di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh                                                                                                                 | 62                |                                                                                                           |
| +          | Quản lý, vận hành hệ thống CAMERA AI                                                                                                                                                 | 190               |                                                                                                           |
| -          | Bảo tàng Tổng hợp tỉnh                                                                                                                                                               | 5.100             |                                                                                                           |
| +          | Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu số hóa Bảo tàng và số hóa hiện vật tại Bảo tàng Tổng hợp tỉnh                                                                                        | 5.100             |                                                                                                           |
| <b>III</b> | <b>Chi chương trình mục tiêu quốc gia</b>                                                                                                                                            | <b>282</b>        |                                                                                                           |
| <b>1</b>   | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ nguồn vốn Ngân sách trung ương</b>                                                | <b>282</b>        | Quyết định số 377/QĐ-SVHTTDL ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi |
| -          | Văn phòng Sở VHTTDL                                                                                                                                                                  | 282               |                                                                                                           |
| a          | Dự án 7: Truyền thông, giáo dục về phòng, chống ma túy                                                                                                                               | 247               |                                                                                                           |
| -          | Tiểu dự án 1: Truyền thông về phòng, chống ma túy                                                                                                                                    | 247               |                                                                                                           |
| b          | Dự án 9: Quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình                                                                                                                                    | 35                |                                                                                                           |